

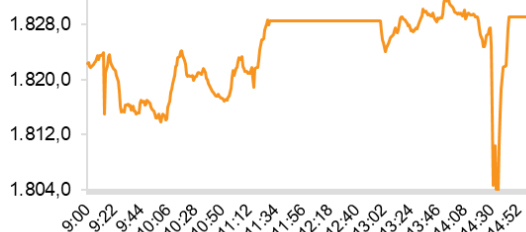
KHOÍ PHÂN TÍCH & TƯ VẤN ĐẦU TƯ VNDIRECT
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

📍 Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hai Bà Trưng, Hà Nội
☎ +84 2439724568
✉ Research@vndirect.com.vn
🌐 vndirect.com.vn

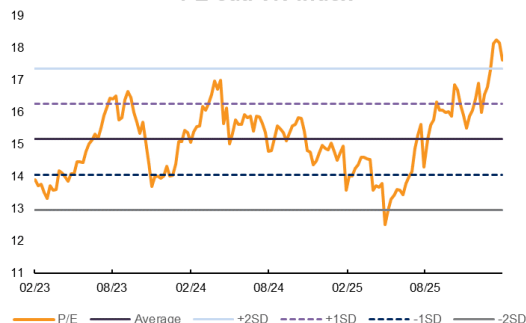
Chỉ số	HOSE	HNX	UPCOM
Giá đóng cửa (điểm)	1.829,0	256,1	129,1
1 ngày (%)	0,8	1,3	0,5
1 tháng (%)	3,5	2,2	6,9
Từ 2026	2,5	3,0	6,7
1 Năm (%)	44,6	14,9	36,9
Vốn hóa (nghìn tỷ VND)	8.437	400	693
Thanh khoản khớp lệnh (nghìn tỷ VN)	1,1	1,5	0,8
Số mã tăng	106	56	153
Số mã giảm	185	99	141
Số mã tham chiếu	104	143	476

Nguồn: Bloomberg

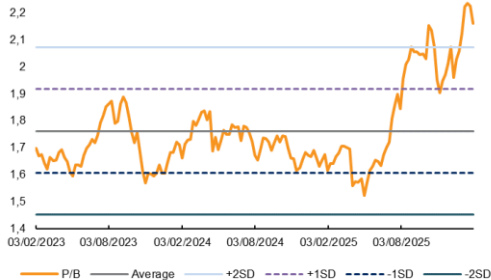
Diễn biến của VN-Index trong phiên



PE của VN-Index



P/B của VN-Index



Thị trường chứng khoán

VN-Index tăng điểm với dòng tiền lan tỏa rộng

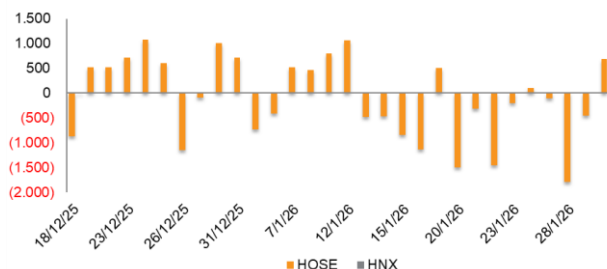
Thị trường duy trì đà tăng và vượt mốc 1.800 điểm trong phiên giao dịch ngày 30/01/2026. Kết thúc phiên, VN-Index đóng cửa tại 1.829,04 điểm, tăng +14,06 điểm (+0,77%) so với phiên trước. Độ rộng thị trường chuyển sang trạng thái tích cực với 213 cổ phiếu tăng và 118 cổ phiếu giảm điểm, cho thấy mức độ lan tỏa của dòng tiền được cải thiện.

Chỉ số VN30 đóng cửa tại 2.029,81 điểm, tăng +10,83 điểm (+0,54%). Trong rổ VN30, số lượng cổ phiếu tăng (19 mã) lớn hơn nhiều so với số mã giảm (9 mã), phản ánh mức độ đồng thuận tương đối cao ở nhóm vốn hóa lớn mặc dù có phân hóa ở một số mã cổ phiếu. Xét theo ngành, dòng tiền tập trung vào các nhóm có câu chuyện lợi nhuận ngắn hạn hoặc triển vọng phục hồi: Dầu khí (+2,99%), Dịch vụ bán lẻ (+2,64%), Tài nguyên (+1,58%) và Ngân hàng (+1,54%). Ngược lại, một số ngành chịu áp lực chốt lời gồm Công nghệ (-1,32%) và Bảo hiểm (-0,68%).

Thanh khoản trên sàn HoSE tăng lên 27.355 tỷ đồng tăng 15,66% so với phiên trước đó và cao hơn ngưỡng trung bình của 20 phiên, cho thấy dòng tiền vào thị trường được cải thiện và tính thanh khoản vẫn ở mức cao so với bình quân. Diễn biến giao dịch cho thấy mức độ lan tỏa tốt hơn so với các phiên trước, khi nhiều nhóm ngành nhỏ và mid-cap cũng ghi nhận lực cầu. Nhà đầu tư có xu hướng tìm kiếm cơ hội trong các ngành có câu chuyện lợi nhuận, nhưng rủi ro điều chỉnh ngắn hạn vẫn hiện hữu. Trong bối cảnh thị trường tăng nhanh và xu hướng tăng tiếp tục phụ thuộc đáng kể vào nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn. Chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư tiếp cận thận trọng và kỷ luật trong triển khai danh mục được xem là phù hợp, thay vì phản ứng theo biến động ngắn hạn. Cụ thể, đối với nhà đầu tư nắm giữ tỷ trọng tiền mặt cao: 1) chia nhỏ mức giá mục tiêu thành 2-4 ngưỡng giải ngân giúp giảm rủi ro thời điểm và ưu tiên giải ngân từng phần khi thị trường điều chỉnh; và 2) tập trung vào các cổ phiếu có nền tảng lợi nhuận rõ ràng hoặc thuộc các ngành đang trong chu kỳ phục hồi. Đối với nhà đầu tư nắm giữ tỷ trọng cổ phiếu cao: 1) chủ động tái cơ cấu danh mục, ưu tiên các cổ phiếu có triển vọng kinh doanh tích cực khi xuất hiện nhịp điều chỉnh; và 2) xác định trước các ngưỡng chốt lời từng phần và kiểm soát rủi ro cho các vị thế lớn, đồng thời điều chỉnh quy mô vị thế khi mức độ biến động gia tăng.

Ngành	Tỷ trọng VN-Index (%)	P/E	P/B	Thay đổi (%)				% thay đổi khối lượng 1 ngày
				1 ngày	1 tháng	Từ 2026	1 Năm	
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	4,9	173,5	4,1	1,7	6,6	5,2	36,0	21,3
Hàng tiêu dùng thiết yếu	5,6	25,7	3,3	-0,3	7,4	8,0	18,4	-13,7
Năng lượng	2,6	40,2	2,2	2,3	43,1	44,4	59,4	23,6
Tài chính	40,3	13,0	2,0	1,5	10,6	10,5	35,5	63,4
Chăm sóc sức khỏe	0,5	36,9	2,8	0,6	5,2	4,5	11,7	0,3
Công nghiệp	7,4	34,7	5,3	0,9	-4,0	-3,9	78,8	52,8
Công nghệ thông tin	2,3	20,0	4,7	-1,1	9,1	9,9	-18,2	-16,9
Vật liệu xây dựng	6,0	19,5	1,6	-1,1	17,4	18,0	21,2	22,3
Bất động sản	22,8	78,2	6,4	0,2	-10,6	-13,5	381,3	24,2
Dịch vụ tiện ích	5,0	22,0	3,4	0,6	39,1	42,7	56,6	17,0

Mua(bán) ròng khối ngoại (tỷ vnd)



Điểm tin

Tin vĩ mô thế giới

- Chỉ số DXY tăng nhẹ lên 98,8 trong khi đà tăng của giá vàng đã chững lại tại 4,830 USD/ounce, khi căng thẳng địa chính trị và thương mại giữa Mỹ và châu Âu liên quan đến Greenland hạ nhiệt. Tổng thống Donald Trump bác bỏ khả năng sử dụng vũ lực quân sự để giành Greenland và rút lại các đe dọa áp thuế đối với các nước châu Âu sau khi đạt được một khung thỏa thuận cho một hiệp định trong tương lai với NATO. Tuy nhiên, chi tiết về khung thỏa thuận vẫn chưa rõ ràng, trong khi Đan Mạch bác bỏ mọi cuộc đàm phán liên quan đến việc nhượng lãnh thổ cho Mỹ. Tỷ giá USD/VND giao dịch ổn định tại 26,270 đồng.

Tin vĩ mô trong nước

- Việt Nam: Tổng cục Thống kê Việt Nam công bố **số liệu sơ bộ cho thấy CPI tháng 1/2026 tăng nhẹ khoảng 0,2–0,3% so với tháng trước, phản ánh áp lực giá tiêu dùng gia tăng trong dịp Tết Nguyên Đán do nhu cầu thực phẩm, dịch vụ và thị trường nội địa tăng cao

Tin ngành và doanh nghiệp

- DSE – DNSE đặt mục tiêu tăng trưởng mạnh, công nghệ và phái sinh là động lực chính:** Chứng khoán DNSE (DSE) đặt mục tiêu năm 2026 đạt doanh thu 1.736 tỷ đồng (66 triệu USD) và lợi nhuận trước thuế 550 tỷ đồng (21 triệu USD), thể hiện tham vọng tăng trưởng dựa trên nền tảng công nghệ và mở rộng quy mô khách hàng. Doanh nghiệp hướng tới nâng thị phần phái sinh lên 30%, đồng thời đẩy mạnh đầu tư công nghệ, phát triển các sản phẩm – dịch vụ mới và đa dạng hóa nguồn doanh thu nhằm giảm phụ thuộc vào môi giới truyền thống.
- PVS – Biên lợi nhuận cải thiện mạnh, vượt xa kế hoạch lợi nhuận năm:** PTSC (PVS) ghi nhận quý IV/2025 doanh thu đạt 9,6 nghìn tỷ đồng (365 triệu USD), giảm nhẹ 1% so với cùng kỳ, nhưng hiệu quả sinh lời cải thiện rõ rệt khi lợi nhuận gộp tăng mạnh từ 233 tỷ đồng lên 788 tỷ đồng, chủ yếu nhờ đóng góp tích cực từ các hợp đồng xây dựng – EPC có biên lợi nhuận cao. Đồng thời, chi phí quản lý doanh nghiệp giảm sâu 63%, giúp lợi nhuận ròng quý IV tăng 84% lên 806 tỷ đồng (31 triệu USD).

Thị trường tiền tệ và hàng hoá

- Lãi suất liên ngân hàng (LSLNH) qua đêm ngày 6/1 giao dịch ở mức 5,6%, vẫn còn cao mức 1,65% cuối tuần trước nhưng đã hạ nhiệt so với hôm qua (6,8%). LSLNH kỳ hạn 1 tuần tiếp tục giảm xuống 6,1% từ mức 9,1% cuối tuần trước và 7,3% ngày hôm qua, cho thấy áp lực thanh khoản phần nào được kiểm soát. NHNN đã hút ròng 9,8 nghìn tỷ đồng trong ngày 6/1.
- Tỷ giá vẫn chưa nhiều diễn biến đáng kể sau các thông tin liên quan đến cuộc tấn công của Mỹ vào Venezuela.

Thị trường tiền tệ	Giá đóng cửa	Thay đổi (%)			
		1 ngày	1 tháng	Từ 2025	1 Năm
Lợi suất TPCP Việt Nam 5 năm (%/năm)	3,61	0,1	11,2	11,0	54,7
Lãi suất liên ngân hàng qua đêm (%/ni)	5,58	104,4	32,9	238,2	18,7
Lãi suất liên ngân hàng 1 tháng (%/năm)	7,43	0,8	-9,1	-9,9	53,2
USD/VND	25.925	0,4	1,3	1,4	-3,3
DXY	96,68	0,4	-1,6	-1,7	-10,3
Lợi suất TPCP Mỹ 10 năm (%/năm)	4,26	0,7	3,3	2,2	-5,7
Lợi suất TPCP Mỹ 3 năm (%/năm)	3,63	0,1	3,6	2,5	-14,5

Lịch sự kiện quan trọng trong tuần

Ngày	Quốc gia	Thông tin công bố
Thứ Hai 05/01/2026	Mỹ	Chỉ số PMI Sản xuất tháng 12.2025
Thứ Ba 06/01/2026	Việt Nam	Số liệu vĩ mô tháng 12 và Q4.2025
Thứ Tư 07/01/2026	Mỹ	Chỉ số PMI Phi sản xuất tháng 12.2025
Thứ Sáu 09/01/2026	Mỹ	Số liệu việc làm và tỷ lệ thất nghiệp tháng 12.2025

Danh mục cổ phiếu theo dõi

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Hàng không										
ACV	7.572	4,4	3.543	54.800	73.300	34,8%	1,0%	18,4	2,9	17%
AST	127	0,0	5	73.000	85.400	20,4%	3,4%	14,5	5,1	38%
HVN	3.235	1,6	689	26.950	43.400	63,4%	2,3%	9,0	15,0	
VJC	3.562	14,6	822	170.500	113.600	-32,8%	0,6%	44,7	4,1	8%
Bán lẻ										
BAF	420	3,6	193	35.850	37.200	3,8%		19,5	2,5	13%
DGW	418	3,6	112	49.000	49.600	2,2%	1,0%	19,6	3,3	17%
FRT	1.116	3,2	183	169.900	150.300	-11,3%	0,2%	36,4	9,4	25%
MCH	7.958	3,6	2.775	159.100	147.000	-6,3%	1,3%	30,9	11,4	46%
MWG	5.298	21,3	66	92.900	96.300	4,7%	1,1%	23,5	4,4	20%
PNJ	1.671	3,9	14	127.000	109.900	-12,7%	0,8%	16,3	3,6	21%
QNS	674	0,2	274	47.500	53.400	14,5%	2,1%	7,8	1,4	18%
SAB	2.469	3,3	1.027	49.900	59.900	24,0%	4,0%	14,9	3,0	20%
VHC	560	2,5	445	64.700	71.300	13,3%	3,1%	9,3	1,5	17%
VNM	5.691	15,4	2.828	70.600	74.800	10,0%	4,0%	19,0	4,3	24%
Tài chính										
ACB	4.775	10,3	68	24.100	31.300	33,5%	3,6%	7,9	1,3	18%
BID	14.598	10,6	1.846	53.900	47.200	-11,6%	0,8%	14,3	2,3	18%
CTG	11.609	19,7	518	38.750	49.000	27,3%	0,8%	9,0	1,8	22%
HDB	5.464	21,2	220	28.300	39.500	41,8%	2,3%	8,0	1,9	25%
LPB	4.799	3,5	204	41.650	33.400	-13,8%	6,0%	10,9	2,6	25%
MBB	8.451	24,8	113	27.200	32.900	22,8%	1,8%	8,2	1,6	22%
STB	4.581	24,7	723	63.000	45.700	-26,5%	1,0%	20,0	1,9	22%
TCB	9.813	16,1	0	35.900	40.300	15,0%	2,8%	10,0	1,5	16%
TPB	1.840	6,2	95	17.200	17.800	9,0%	5,5%	7,3	1,2	17%
VCB	22.722	17,7	1.985	70.500	69.300	-1,1%	0,6%	16,8	2,6	17%
VIB	2.337	4,1	1	17.800	23.600	36,0%	3,4%	8,3	1,3	16%



Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VPB	8.569	22,4	428	28.000	37.100	34,3%	1,8%	9,3	1,3	15%
Dệt may										
MSH	156	0,7	68	35.900	40.600	24,2%	11,1%	7,0	1,9	28%
TCM	115	1,4	2	26.700	29.800	13,5%	1,9%	12,4	1,2	10%
Khu công nghiệp										
BCM	2.719	1,9	876	68.100	68.600	2,2%	1,5%	19,2	3,3	18%
GMD	1.127	3,7	120	68.500	72.000	8,0%	2,9%	22,4	2,3	12%
HAH	368	4,7	84	56.500	55.400	-0,6%	1,4%	8,2	2,3	31%
VSC	297	7,4	141	20.600	19.100	-4,9%	2,4%	17,0	1,4	9%
IDC	701	4,3	246	47.900	45.600	-1,7%	3,1%	9,4	2,8	32%
KBC	1.268	5,8	478	34.900	30.000	-13,0%	1,1%	14,1	1,4	7%
PHR	336	1,2	118	64.300	68.400	8,5%	2,1%	13,0	2,2	17%
VTP	522	3,5	227	111.200	129.200	17,2%	1,0%	45,9	7,7	18%
Tài nguyên cơ bản										
DGC	1.005	13,3	433	68.600	128.300	91,4%	4,4%	9,2	1,7	20%
HPG	7.935	33,3	2.293	26.800	30.000	13,0%	1,1%	14,3	1,6	12%
Dầu khí										
BSR	4.326	10,2	2.066	22.400	16.700	-23,5%	1,9%	54,2	2,0	4%
GAS	10.890	7,7	5.077	117.000	78.400	-31,2%	1,7%	23,3	4,3	20%
OIL	650	1,8	39	16.300	14.800	-7,7%	1,5%	51,6	1,6	3%
PLX	2.887	8,8	125	58.900	47.700	-17,0%	2,0%	30,1	2,9	10%
PVD	665	10,2	252	31.000	32.600	13,2%	8,1%	19,4	1,0	6%
PVS	896	10,2	299	45.400	41.800	-6,5%	1,4%	12,8	1,5	13%
PVT	376	3,2	144	20.750	23.400	13,9%	1,1%	9,4	1,1	13%
Phân bón - Hóa chất										
DPM	628	4,0	289	23.950	22.700	-1,6%	3,6%	21,0	1,5	7%
DCM	747	3,1	338	36.600	40.000	14,8%	5,5%	11,8	1,8	17%
DDV	166	1,3	77	29.400	39.700	38,1%	3,1%	25,5	2,4	10%

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
PLC	102	0,5	49	32.600	34.100	6,1%	1,5%	22,1	2,0	9%
Điện										
POW	1.627	6,2	730	13.750	14.400	5,9%	1,2%	20,5	1,2	6%
Điện và BĐS										
HDG	392	2,7	121	27.450	37.400	37,8%	1,5%	29,3	1,6	5%
PC1	384	3,6	138	24.200	26.500			19,9	1,7	9%
REE	1.297	1,1	0	62.100	76.600	24,7%	1,4%	13,0	1,7	13%
Bất động sản										
DXG	661	9,6	181	15.400	18.300	31,8%	13,0%	37,7	1,3	3%
KDH	1.190	7,1	272	27.500	41.800	53,1%	1,1%	31,4	1,7	5%
NLG	551	2,9	41	29.450	42.200	44,8%	1,6%	20,1	1,3	9%
VHM	16.794	28,9	6.986	106.000	93.600			10,6	2,0	13%
VRE	2.647	13,3	958	30.200	32.000	9,4%	3,5%	10,6	1,4	14%
Công nghệ										
FPT	6.867	30,0	632	104.500	118.200	14,1%	1,0%	19,0	4,9	28%

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Phân Tích & Tư Vấn Đầu Tư - Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT. Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này.

Quan điểm, dự báo và những ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của VNDIRECT và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo này, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo này. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.

Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của VNDIRECT, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của VNDIRECT.

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

Hội sở

1 Nguyễn Thượng Hiền,
Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

ĐT: +84 24 3972 4568

Fax: +84 24 3972 4568

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tòa nhà 90 Pasteur,
Phường Sài Gòn, TP. HCM

ĐT: +84 28 7300 0688

Fax: +84 28 3914 6924

Chi nhánh Đà Nẵng

57 Duy Tân,
Phường Hoa Cường, Đà Nẵng

ĐT: +84 511 382 1111

Fax: NA

Chi nhánh Vinh – Nghệ An

204, tờ bản đồ số 01, khối Yên Vinh,
Phường Trường Vinh, Nghệ An

ĐT: +84 23 8730 2886

Fax: NA

Chi nhánh Cần Thơ

Tầng 3 Tòa nhà STS, 11B Hòa Bình,
Phường Ninh Kiều, Cần Thơ

ĐT: +84 710 3766 959

Fax: NA

Chi nhánh Quảng Ninh

Tầng 1, 2, 3, Khu CC Việt Hàn,
Phường Hồng Gai, Quảng Ninh

ĐT: +84 98 8619 695

Fax: NA

Chi nhánh Thanh Hoá

Tầng 2, số 11 Hạc Thành
Phường Hạc Thành, Thanh Hóa

ĐT: +84 90 3255 202

Fax: NA

Chi nhánh Bình Dương

Tầng 1, 280 đường 30/04, Khu 03,
Phường Thủ Dầu Một, TP. HCM

ĐT: +84 27 4222 2659

Fax: +84 27 4222 2660

Chi nhánh Nam Định

88-90 Phạm Sư Mạnh,
Phường Nam Định, Ninh Bình

ĐT: +84 22 8352 8819

Fax: NA